



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
Vietnam Pepper Association
Head office: 135A Pasteur. Dist. 3 Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 3823.7288 – 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901
Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 43/21, 18-22/10/2021

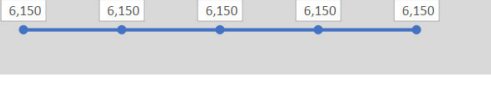
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này khá ổn định khi chỉ có tiêu đen nội địa Malaysia ghi nhận sự sụt giảm.
02. Ấn Độ - Giá tiêu nội địa và quốc tế của Ấn Độ phản ứng tích cực trong tuần này.
03. Indonesia - Giá tiêu nội địa và quốc tế tuần này cho thấy sự ổn định với số lượng giao dịch ít.
04. Malaysia - Giá tiêu đen nội địa của Malaysia tiếp tục giảm trong tuần này. Trong khi đó, giá tiêu của Malaysia giao dịch trên thị trường quốc tế ghi nhận sự ổn định trong 3 tuần qua.
05. Sri Lanka - Giá tiêu trong nước của Sri Lanka cho thấy xu hướng tăng trong tuần này.
06. Việt Nam - Sau 6 tuần tăng liên tiếp, giá tiêu đen và tiêu trắng Việt Nam ổn định trong tuần này.
07. Xuất khẩu Hồ tiêu của Hàn Quốc (2019-2021).

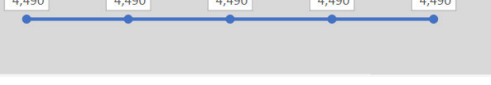
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (18-22/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	5,470 - 5,546 5,589 -	5,535 - 5,443	2% ↑
 Ex-Lampung	3,724 3,729 - 3,715 3,707	3,719 - 3,703	0% ↔
 Ex-Kuching	4,134 - 4,142 4,141 4,140	4,139 - 4,397	-6% ↓
 Ex- HCM	3,718 3,717 3,699 3,657 3,658	3,690 - 3,695	0% ↔
 Sri Lanka	4,143 - - 4,134 4,123	4,134 - 4,062	2% ↑

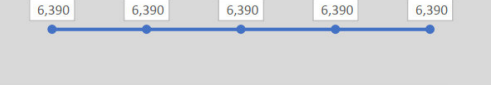
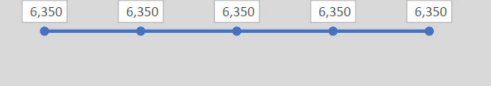
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (18-22/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,304 - 6,278	0%
 Ex-Kuching		6,340 - 6,366	0%
 Ex-HCM		5,568 - 5,563	0%
 Ex-Hainan		6,150 - 6,150	0%

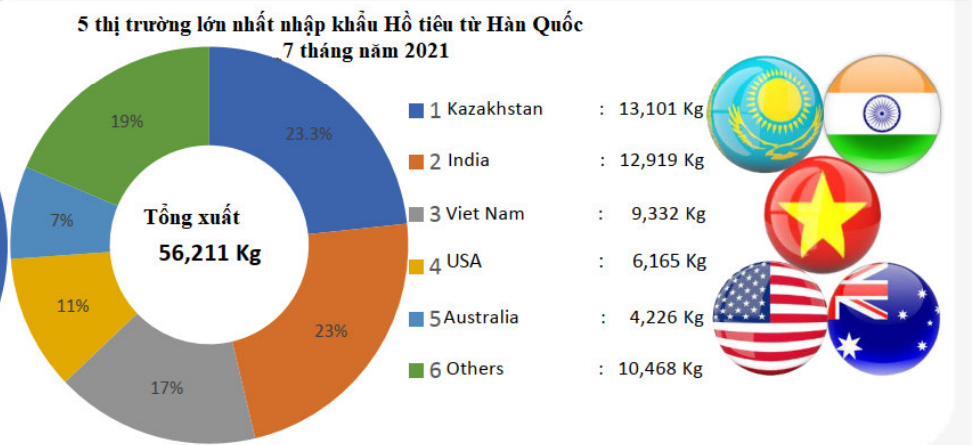
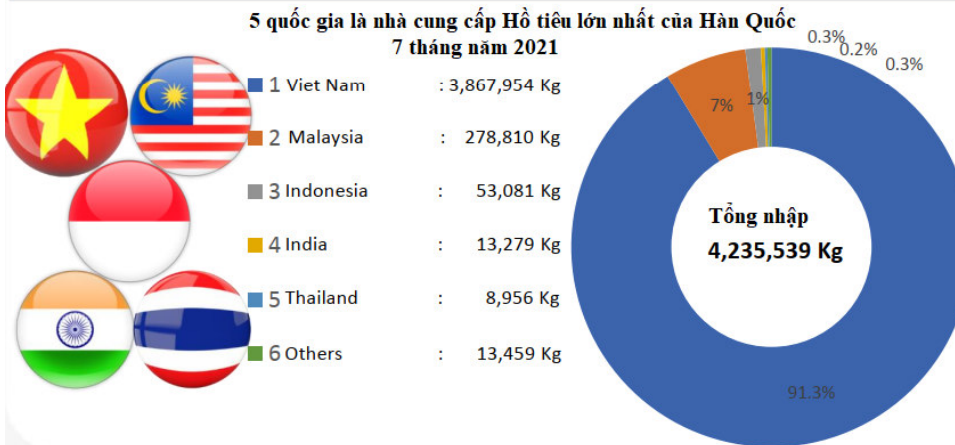
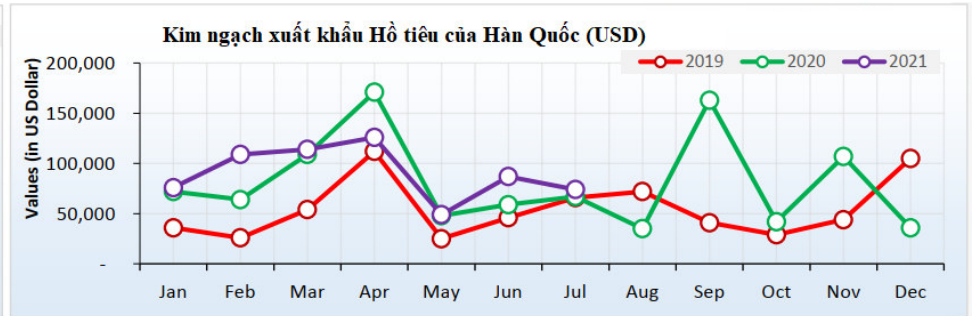
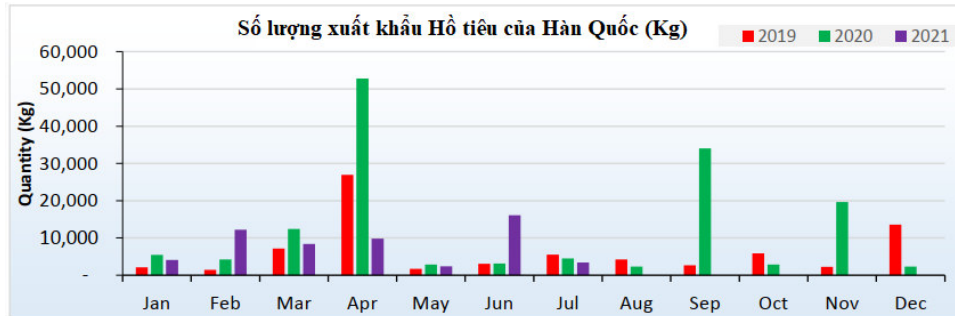
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (18-22/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		5,802 - 5,709	2%
 Lampung ** ASTA		4,412 - 4,393	0%
 Kuching ASTA		5,972 - 5,972	0%
 Ho Chi Minh 500g/l		4,390 - 4,390	0%
 Ho Chi Minh 550g/l		4,490 - 4,490	0%

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (18-22/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,264 - 7,233	0%
 Kuching ASTA		8,126 - 8,126	0%
 Ho Chi Minh FAQ		6,390 - 6,390	0%
 Haikou FAQ		6,350 - 6,350	0%

XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA HÀN QUỐC



Tỉ lệ Nhập:Xuất =75:1

Xuất khẩu Hồ tiêu của Hàn Quốc (2019- 2021)		<u>2019</u>	<u>2020</u>	<u>2021*</u>
	Tổng lượng xuất (kg)	76,305	146,367	56,211
	Tổng trị giá xuất ('000 \$)	\$656	\$973	\$635
	Tiêu hạt	41%	49%	1%
	Tiêu xay	59%	51%	99%
Chênh lệch (%)		n.a	92%	-34%
	Tiêu hạt	\$4.60	\$3.18	\$53.74
	Tiêu xay	\$11.41	\$10.02	\$10.97

* Tính đến tháng 7/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.41	74.98	14,118	4.16	23,796	200.55
Tuần trước	6.45	75.32	14,177	4.16	23,817	201.21